

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 5 - 2021

*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Phần

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Huy Lợi

Ông Hồ Bá Võ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Chung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐST ngày 29 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 9, đường Ngũ Quyền Thát, khu Ngũ Cổ, thành phố Tân Bắc, Đài Loan – Trung Quốc. Nơi ĐKKH trước khi xuất cảnh: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Hiện đã về Việt Nam, cư trú tại: Xóm T, xã T, huyện N, tỉnh Nghệ An. Đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Giản Văn T1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Lầu 2, 111-1 phố Vũ Lĩnh, khu An Lạc, thành phố Cơ Long, Đài Loan – Trung Quốc. Nơi ĐKKH trước khi xuất cảnh: Xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Vợ chồng ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 (Bố, mẹ chị T). Ông H, bà H1 đề nghị vắng mặt.

Đều có địa chỉ hiện nay: Xóm T, xã T, huyện N, tỉnh Nghệ An.

2. Vợ chồng anh Giản Văn D, sinh năm 1974 và chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976 (Anh và chị dâu của a T).

Đều trú tại: Xóm 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Anh D, chị L vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 24/6/2019, các lời khai chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Giản Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2008 tại Ủy ban nhân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do a T không lo tu chí làm ăn để chăm lo cuộc sống gia đình, nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Tháng 7/2017 a T xuất khẩu sang Đài Loan làm ăn, đến tháng 8/2017 chị cũng sang Đài Loan. Mặc dù sống cùng nhau ở Đài Loan, nhưng vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Giản Văn T1.

Về con chung: Chị và anh Giản Văn T1 có hai con chung Giản Nguyễn Hà A sinh ngày 22/02/2009 và Giản Nguyễn Ái Nsinh ngày 23/02/2013, thời gian chị T chưa về nước cháu Giản Nguyễn Hà A do ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1(Bố, mẹ chị T là ông bà ngoại cháu) quản lý, chăm sóc; cháu Giản Nguyễn Ái N do vợ chồng anh Giản Văn D và chị Nguyễn Thị L (Bác của cháu) quản lý chăm sóc. Nay ly hôn chị T xin được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu a T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai cũng không có ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Giản Văn T1: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án; Công văn yêu cầu anh Giản Văn T1 có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án; Quyết định đưa vụ án ra xử...thông qua ủy thác Tư pháp nhưng không có kết quả. Hiện tại anh Giản Văn T1 vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1trình bày: Ông H, bà H1 là người trực tiếp quản lý, chăm sóc cháu Giản Nguyễn Hà A sinh ngày 22/02/2009 con chung của vợ chồng chị T, a T trong thời gian hai người đang ở nước ngoài. Nay vợ chồng ly hôn ông H, bà H1không yêu cầu vợ chồng a T, chị T phải thanh Tloán các khoản chi phí mà ông, bà đã chăm sóc các cháu. Nay chị T đã về nước ông H, bà H1giao lại cháu cho chị T nuôi dưỡng. Ông H, bà H1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Vợ chồng anh Giản Văn D và chị Nguyễn Thị L trình bày: Anh D, chị L là người trực tiếp quản lý, chăm sóc cháu Giản Nguyễn Ái N sinh ngày 23/02/2013 con chung của vợ chồng chị T, a T trong thời gian hai người ở nước ngoài. Nay vợ chồng ly hôn anh D, chị L không yêu cầu gì nhưng đề nghị Tòa án khi giải quyết ly hôn giữa vợ chồng a T, chị T phải có mặt a T.

Cháu Giản Nguyễn Hà A và Giản Nguyễn Ái Ntrình bày: Cháu là con của mẹ Tú, bố Tuấn từ khi bố, mẹ đi nước ngoài cháu được ông bà ngoại và các bác chăm sóc. Nay, nếu bố mẹ ly hôn nhau, nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ và ông bà ngoại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi nghĩa vụ của họ. Việc anh Giản Văn T1 vắng mặt đã được Tòa án ủy thác Tư pháp hợp lệ với thời gian kéo dài, nhưng không có kết quả. Về nội dung; Vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân nhau trong thời gian dài, nay chị T yêu cầu ly hôn và giải quyết các vấn đề liên quan. Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu của chị T, cho ly hôn giữa hai người; Về con chung vì anh T1 không có ý kiến nên cần giao cho chị T nuôi cả hai cháu; Về tài sản, chưa xem xét vì đương sự chưa yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Anh Giản Văn T1 hiện đang ở nước ngoài, sau khi thụ lý vụ án, mặc dù Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã tiến hành gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Giản Văn T1 qua ủy thác Tư pháp với thời gian kéo dài, nhưng không đạt được kết quả. Đối với chị Nguyễn Thị T sau khi nộp đơn khởi kiện, nhưng vì điều kiện công việc, nên ngày 04/5/2021 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nhưng vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Giản Văn T1 và xin nuôi các con chung.

Về vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1 (Ông bà ngoại hai cháu) là người trực tiếp quản lý, chăm sóc cháu Giản Nguyễn Hà A sinh ngày 22/02/2009 con chung của vợ chồng chị T, anh T1 trong thời gian hai người đi vắng. Nay vợ chồng ly hôn ông H, bà H1 không yêu cầu vợ chồng anh T1, chị T phải thanh toán các khoản chi phí mà ông, bà đã chăm sóc các cháu và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đối với vợ chồng anh Giản Văn D và chị Nguyễn Thị L là người trực tiếp quản lý, chăm sóc cháu Giản Nguyễn Ái N sinh ngày 23/02/2013 con chung của vợ chồng chị T, anh T1 trong thời gian hai người ở nước ngoài. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Căn cứ khoản 2 điều 207; khoản 1, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc trường hợp không thể hoà giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

Về nội dung: Tại phiên tòa, mặc dù vắng mặt, nhưng chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu ly hôn anh Giản Văn T1 và được nuôi các con chung. Xét thấy: Chị Nguyễn Thị T và anh Giản Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 không lo tu chí làm ăn để chăm lo cuộc sống gia đình, nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Tháng 7/2017 anh T1 xuất khẩu sang Đài Loan làm ăn, sau đó tháng 8/2017 chị cũng sang Đài Loan. Mặc dù sống cùng nhau ở Đài Loan, nhưng vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn; mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho họ ly hôn nhau.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Giản Văn T1 có hai con chung cháu Giản Nguyễn Hà A sinh ngày 22/02/2009 và Giản Nguyễn Ái N sinh ngày 23/02/2013; cháu Giản Nguyễn Hà A do ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1 (Bố, mẹ chị T là ông bà ngoại cháu) quản lý, chăm sóc; cháu Giản Nguyễn Ái N do vợ chồng anh Giản Văn D và chị Nguyễn Thị L (Bác của cháu) quản lý chăm sóc trong thời gian hai người đang ở nước ngoài. Nguyên vọng của chị T nếu ly hôn, được nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Xét thấy, hiện chị T đã về Việt Nam và hiện anh T1 đang ở nước ngoài chưa có ý kiến về nuôi con chung. Do đó cần giao hai cháu cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Giản Văn T1. Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về việc quản lý con chung: Vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 và vợ chồng anh Giản Văn D, chị Nguyễn Thị L là người trực tiếp quản lý cháu Giản Nguyễn Hà A và Giản Nguyễn Ái N trong thời gian vợ chồng anh T1, chị T ở nước ngoài. Tuy nhiên ông H, bà H1 và anh D, chị L không yêu cầu vợ chồng a T, chị T thanh toán các khoản chi phí chăm sóc các cháu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Hiện tại chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên hiện không thu thập được ý kiến, quan điểm của anh Giản Văn T1 nên chưa có cơ sở để xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về chi phí, lệ phí ủy thác tư pháp: Chị T phải chịu toàn bộ; Lệ phí gửi văn bản chị T phải chịu đã thực hiện xong, nên không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 53, 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 153; Điểm c khoản 5 Điều 477; khoản 3 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Giản Văn T1.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung cháu Giản Nguyễn Hà A sinh ngày 22/02/2009 và cháu Giản Nguyễn Ái N sinh ngày 23/02/2013 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Dành quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Giản Văn T1 khi có yêu cầu. Anh Giản Văn T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0003954 ngày 26/6/2019.

5. Về phí ủy thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng phí ủy thác tư pháp, nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0003996 ngày 09/8/2019 (Bà Nguyễn Thị H1 nộp thay).

6. Về quyền kháng cáo:

6.1. Chị Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 và vợ chồng anh Giản Văn D, chị Nguyễn Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản sao bản án sơ thẩm.

6.2. Anh Giản Văn T1 đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Đ, h. Đ, NA,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Phấn**